

NỖ LỰC GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ỨNG PHÓ

COVID 19



Ths. Phạm Thị Thu Hiền*



Abstract: Ensuring the disbursement of public investment capital is one of the important issues to boost GDP growth, stabilize macro-economic regulation as well as effectively implement a country's fiscal and monetary policies. Promoting disbursement of public investment capital is one of the key measures to support Vietnam's economic growth in the context of the ongoing Covid 19 epidemic. The paper addresses the causes and efforts of disbursing public investment capital for construction investment projects, from the perspective of institutional improvement, in response to the current Covid epidemic.

Keywords: Disburse, public investment capital, in response to Covid 19 epidemic, money policy, solution.

Nhận ngày 12/3/2020, chỉnh sửa ngày 5/4/2020, chấp nhận đăng ngày 15/4/2020.

Tóm tắt: Đảm bảo giải ngân vốn đầu tư công là một trong những vấn đề quan trọng thúc đẩy tăng trưởng GDP, ổn định điều tiết vĩ mô nền kinh tế cũng như triển khai hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ của một quốc gia. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công đang là một trong những giải pháp trọng tâm để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong

bối cảnh diễn ra dịch bệnh Covid 19. Bài viết đề cập đến nguyên nhân và những nỗ lực giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án đầu tư xây dựng, nhìn từ góc độ hoàn thiện thể chế, nhằm ứng phó với tình hình dịch bệnh Covid hiện nay.

Từ khóa: Giải ngân, vốn đầu tư công, ứng phó covid 19, chính sách tiền tệ, giải pháp.

*Phó Viện trưởng Viện KT xây dựng và đô thị - Học viện AMC



Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công càng bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid kéo dài

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và đầu tư, vốn đầu tư giải ngân 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 45,17% so với kế hoạch Quốc hội giao và bằng 49,14% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2018. Có 31 Bộ, cơ quan Trung ương và 19 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 50%, trong đó, 17 bộ, cơ quan Trung ương và một địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 30%.

Việc chậm giải ngân vốn đầu tư công sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế, đẩy lùi các dòng vốn tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài, cũng như làm giảm việc huy động vốn đầu tư toàn xã hội. Không những thế, chậm giải ngân vốn đầu tư làm cho xã hội, doanh nghiệp và chủ đầu tư các dự án phải gánh trên vai nhiều khoản chi phí bị đội lên, thu nhập sụt giảm, nợ nần tăng thêm và uy tín trong đầu tư, kinh doanh cũng giảm. Điều này ảnh hưởng lớn đến uy tín quốc gia và niềm tin của các nhà đầu tư.

NGUYÊN NHÂN CỦA VIỆC CHẬM GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Nguyên nhân khách quan

Trước hết là do một số vướng mắc về thể chế, pháp luật đầu tư công,

nhất là trong quá trình sửa đổi Luật Đầu tư công. Do Luật mới chưa có hiệu lực vào khoảng thời gian này, nên những vướng mắc theo đó vẫn còn tồn tại, như: Công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án chưa kỹ đã làm cho dự án và kế hoạch phải điều chỉnh nhiều lần trong khi thủ tục điều chỉnh lại chưa được chủ động, linh hoạt và đơn giản hóa. Việc xét duyệt phải trải qua nhiều cấp, thủ tục này phải chờ thủ tục kia, mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, việc thực hiện các quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Bảo vệ tài nguyên môi trường... còn nhiều lúng túng. Hạn chế này làm cho công tác giải phóng mặt bằng của dự án gặp không ít khó khăn, nảy sinh nhiều vướng mắc về khiếu kiện đất đai; thủ tục phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, lựa chọn nhà thầu kéo dài. Hơn nữa, việc thực hiện phân cấp chưa triệt để, sự khác biệt về thủ tục giải ngân, rút vốn giữa Việt Nam và các nhà tài trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) còn tồn tại...

Không thể không đề cập đến nguyên nhân dịch bệnh Covid kéo dài suốt từ cuối năm 2019 đến nay chưa có dấu hiệu thuyên giảm, tiến

độ giải ngân vốn đầu tư công càng bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là ở khâu thi công dự án. Dịch bệnh đã làm cho nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào của quá trình đầu tư xây dựng bị gián đoạn, thiếu trầm trọng lao động và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào dự án, khó khăn trong tiếp cận vốn vay ngân hàng... Khi không thể đẩy nhanh quá trình thi công xây dựng do tình hình dịch bệnh, đã làm giảm đáng kể khối lượng hoàn thành nghiệm thu, tiến độ giải ngân theo đó cũng bị chậm.

Nguyên nhân chủ quan

(1) Công tác lập kế hoạch chưa sát với thực tế, khiến khả năng giao và giải ngân vốn của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương không thể sát với khả năng thực hiện của từng dự án. Có những dự án không có khả năng thực hiện, từ việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, nhưng vẫn đăng ký để được giao kế hoạch vốn, điển hình là dự án đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 1, giai đoạn 1). Hiện dự án phải phân kỳ lại đầu tư và điều chỉnh tổng mức đầu tư, chưa thể hoàn thành các thủ tục đầu tư trong nước.

(2) Một số cơ quan, bộ phận tổng hợp rà soát chưa kỹ. Thậm chí, việc tổng hợp cũng giữ nguyên trên cơ sở đề xuất từ các Bộ, Ngành khi trình



Kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công

Chính phủ, báo cáo Quốc hội phân bổ vốn ngân sách Trung ương, khiến tình trạng phân bổ vốn không sát với thực tiễn của danh mục dự án đủ thủ tục đầu tư.

(3) Thiếu chỉ đạo kiên quyết của chính quyền địa phương, không thực hiện quy định phân cấp nghiêm túc, còn lỏng lẻo trong việc phối hợp với chủ đầu tư trong triển khai dự án đã dẫn đến tình trạng tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa đầy đủ.

(4) Thiếu minh bạch, công bằng trong lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng, đã gây tâm lý không tin tưởng trong dân, dẫn đến tình trạng người dân cố tình không di dời hoặc khiếu kiện vượt cấp.

(5) Các chủ đầu tư còn chậm quyết toán dự án hoàn thành, quyết toán hợp đồng nên không giải ngân được kế hoạch vốn được giao. Một số chủ đầu tư thiếu chủ động trong chuẩn bị đầu tư; hoặc giao cùng lúc nhiều dự án cho nhà thầu tư vấn lập dự án, thiết kế lập bản vẽ thi công, dự toán nên dẫn đến sự chậm trễ. Mặt khác, một số đơn vị tư vấn có năng lực hạn chế khiến hồ sơ dự án phải điều chỉnh bổ sung nhiều lần, mất rất nhiều thời gian.

(6) Nhiều dự án trái phiếu Chính phủ vào chu kỳ cuối, kết thúc thực

hiện và giải ngân, các dự án trái phiếu Chính phủ quy mô lớn như: Dự án đường cao tốc Bắc - Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các dự án hạ tầng giao thông... chiếm tới gần 50% tổng số vốn trái phiếu Chính phủ của kế hoạch năm 2019, nhưng tiến độ giải ngân rất chậm, ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của cả nước.

GIẢI PHÁP GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Một trong những giải pháp khắc phục tình trạng dịch bệnh kéo dài là đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để hỗ trợ cho nền kinh tế. Thúc đẩy giải ngân đạt 100% là giải pháp trọng tâm ứng phó dịch Covid 19. Đây là vấn đề đặc biệt quan tâm của Chính phủ, các Bộ, các Ngành và các địa phương trong thời gian gần đây. Các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công đã được cụ thể hóa, song nhấn mạnh nhất vẫn là giải pháp về hoàn thiện thể chế – hoàn thiện khung pháp luật về đầu tư công và giải ngân vốn đầu tư công.

Nhằm khắc phục tình trạng giải ngân vốn đầu tư công chậm, sau khi có Luật Đầu tư công (sửa đổi), ngày 29/10/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 94/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm

2019. Theo đó, một trong những giải pháp được nhấn mạnh là tiếp tục rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quản lý đầu tư. Tiếp theo là tập trung tháo gỡ kịp thời các rào cản, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công. Bên cạnh đó, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương chủ động kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các tổ chức, cá nhân, lãnh đạo, cán bộ, công chức vi phạm quy định của pháp luật và cố tình cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ giao, thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công. Các Bộ, Ngành thay thế kịp thời những cán bộ, công chức yếu kém về năng lực, trình độ hoặc suy thoái đạo đức nghề nghiệp, gây những nhiễu, tiêu cực hoặc thao túng, chi phối trong quản lý vốn đầu tư công. Qua Nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các cơ quan chức năng kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công như thông thầu, gian lận, cản trở, hối lộ, can thiệp bất hợp pháp... Đồng thời, kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân gây cản trở, trì trệ, thiếu trách nhiệm trong việc giao vốn và giải ngân vốn đầu tư công.



kể trên, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 13,2%, tăng so với cùng kỳ năm 2019. Đây là dấu hiệu cho thấy những quy định pháp luật mới đã đi vào thực tế với những hiệu quả nhất định.

Có thể khẳng định rằng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư công đã dần hoàn thiện. Với sự nỗ lực của Chính phủ, các Bộ, Ngành và các địa phương trong việc thực thi chính sách pháp luật về đầu tư công nói chung và giải ngân vốn đầu tư công nói riêng, chúng ta hoàn toàn hy vọng vào việc thực hiện có hiệu quả giải pháp trọng tâm ứng phó dịch Covid 19 mà Thủ tướng Chính phủ đã đề ra là giải ngân 100% vốn đầu tư công, nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cho năm nay và các năm tiếp sau.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid 19 có những diễn biến phức tạp, ngày 04/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Trong đó, xác định đẩy nhanh giải ngân đầu tư công là một trong 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, phục hồi tăng trưởng, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư, giao hết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 ngay trong tháng 3/2020; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công còn lại của năm 2019 và năm 2020. Bên cạnh đó, tập trung chỉ đạo sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng lớn, quan trọng, phát huy tối đa công suất thiết kế, hiệu quả kinh tế - xã hội...

Tiếp tục hoàn thiện khung thể chế về pháp luật đầu tư công, ngày 6/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, đó là Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Tại Nghị định này, nhiều quy định về quản lý nguồn vốn, thanh quyết toán và chế

tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân để chậm giải ngân vốn đầu tư công đã được cụ thể hóa. Cơ quan nào không phân bổ hết vốn được giao sẽ bị xem xét thu hồi, điều chuyển cho các nơi khác có nhu cầu trước ngày 30/6 của năm kế hoạch, không để tình trạng không làm được nhưng vẫn giữ vốn. Nếu tới ngày 31/1 của năm sau năm kế hoạch nếu không giải ngân hết vốn được phân bổ thì sẽ xem xét cắt vốn. Nếu không có lý do bất khả kháng, không được kéo dài thời gian giải ngân, khi đó phần dự toán còn lại sẽ bị hủy. Đồng thời, cho phép được thanh toán trước, hoàn thiện hồ sơ sau với một số cấu phần dự án. Báo cáo chi tiết về tiến độ giải ngân vốn đầu tư phải được báo cáo theo từng tháng, từng quý, nửa năm và cả năm. Hơn nữa, trách nhiệm giải ngân vốn đầu tư của người đứng đầu từng Bộ, Ngành và địa phương cũng được thể hiện rõ trong Nghị định này.

Như vậy, những quy định tại Nghị quyết số 94/2019/NQ-CP, Chỉ thị số 11/2020/CT-TTg và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP không còn là chủ trương mà đã thành chế tài, làm cơ sở cho việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan. Tính đến hết quý I năm 2020 - Quý đầu tiên thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo tổng hợp của Bộ Kế hoạch và đầu tư, phục vụ Hội nghị trực tuyến toàn quốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2020, dự kiến diễn ra cuối tháng 4/2020;
2. Video về nỗ lực giải ngân vốn đầu tư công – giải pháp trọng tâm ứng phó dịch Covid 19, đăng tải trên trang Tài Chính Kinh doanh – VTV1 ngày 8/4/2020;
3. Nghị quyết số 94/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/10/2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;
4. Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 04/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19;
5. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 6/4/2020 định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Lê Hào

Có thể nói, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển và hoàn thiện đô thị thông minh của các quốc gia trên thế giới trong thế kỷ XXI. Đô thị Việt Nam không nằm ngoài sự phát triển đó để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Bài báo nêu mục tiêu từ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0), từ đó phân tích những ảnh hưởng của CMCN 4.0 tới sự định hình đô thị thông minh trong tình hình mới.

NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW, NGÀY 27/9/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ - NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đồng thời nhấn mạnh cần nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền về sự cấp thiết phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm...

Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đã nêu rõ mục tiêu tổng quát: Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc CMCN 4.0 để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hóa đất nước; Phát triển mạnh mẽ kinh tế số; Phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; Nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, Bộ Chính trị đã chỉ đạo một số chủ trương, chính sách để các ngành, các cấp chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0, trong đó nhấn mạnh việc đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.



Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị coi CMCN 4.0 là nhiệm vụ trọng tâm

Bộ Chính trị yêu cầu, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về sự cấp thiết phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc CMCN 4.0, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm; Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ tham gia CMCN 4.0 với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

Để chủ trương, chính sách này nhanh chóng đi vào cuộc sống, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0; Chuẩn hóa và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện chuyển đổi số; Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

Có thể nói, Nghị quyết thể hiện rõ quan điểm và sự quyết tâm của Đảng công sản Việt Nam khi coi "Chủ động, tích cực tham gia cuộc CMCN 4.0 là yêu cầu tất yếu khách quan, coi đây là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc CMCN 4.0 để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp, là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội". Việt Nam cũng đã xác định: Nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia CMCN 4.0 là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Chúng ta có thể vận dụng những chủ trương sáng suốt của Nghị quyết để giải quyết một số vấn đề cấp bách như thực hiện đề án đô thị thông minh, xây dựng chính quyền điện tử, nắm bắt Internet vạn vật và một số ứng dụng mới trong cuộc sống như: Giao thông kết nối, nhà thông minh, đô thị thông minh và chăm sóc sức khỏe kết nối, thiết bị đeo kết nối...

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN THIỆN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Với bối cảnh hiện nay, cuộc CMCN 4.0 có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển và hoàn thiện của đô thị thông minh trong thế kỷ XXI. Việc định hình



Cách mạng công nghiệp 4.0 có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển và hoàn thiện đô thị thông minh của các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam

đô thị thông minh cần dựa trên các yếu tố tác động của CMCN 4.0 như chính quyền đô thị, sự thích ứng của công dân thông minh, dịch chuyển thông minh... Cụ thể:

Thứ nhất, tác động của CMCN 4.0 tới sự phát triển của chính quyền đô thị thông minh. Đô thị là nơi hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phát triển có tính liên thông, đồng bộ, mật độ dân cư cao. Hiện nay, Việt Nam có tới 833 đô thị lớn nhỏ, trong đó có 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, 20 đô thị loại I, 29 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 85 đô thị loại IV và 652 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa Việt Nam năm 2019 là 38,4% và dự kiến sẽ vượt mốc 40% vào năm 2020⁽¹⁾. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh và rộng khắp tại nhiều địa phương đã tác động làm gia tăng dân số ở khu vực thành thị và kéo theo nhiều hệ lụy. Để ứng phó với thách thức này, chính quyền đô thị cần có phương thức quản trị phù hợp trước xu thế bùng nổ dân số tại các thành phố lớn.

Thứ hai, tác động của CMCN 4.0 tới sự phát triển của công dân thông minh. Cộng đồng cư dân là người trực tiếp thụ hưởng những thành quả và sản phẩm của CMCN 4.0. Hiện nay, công dân thông minh biết cách sử dụng những lợi thế của CMCN 4.0 để phát huy bản thân mình nhờ mạng xã hội. CMCN 4.0 giúp các công dân thông minh có định hướng cá nhân, tự tạo ra các cơ hội để hành động. Dựa trên nền tảng công nghệ số, quá trình đào tạo của công dân sẽ là quá trình tự sử dụng các mô hình thông minh mới như: Phòng học ảo, thầy giáo ảo, thiết bị ảo, phòng thí nghiệm, thư viện ảo... dưới sự hỗ trợ của các thiết bị thông minh để hoàn thiện tri thức mọi lúc, mọi nơi.

Thứ ba, CMCN 4.0 tác động tới sự dịch chuyển thông minh. Việc áp dụng công nghệ tiên tiến để hỗ trợ quản lý dòng phương tiện đã trở nên phổ biến trong đầu thế kỷ XXI và được bắt đầu bằng công tác kiểm soát tín hiệu giao thông ở các ngã tư và khu vực giao cắt đường sắt. Trên thế giới, nhiều hãng sản xuất phương tiện đã cập nhật ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm tạo ra các loại phương tiện an toàn, thoải mái hơn và đặc biệt là sử dụng công nghệ và thân thiện với môi trường. Những công nghệ về dịch chuyển thông minh được biết đến với tên gọi hệ thống giao thông thông minh (ITS – Intelligent Transportation Systems). ITS tạo ra một hệ thống giao thông an toàn hơn, thuận tiện hơn và giảm tác động đến môi trường. Có thể nói, phát triển giao thông thông minh được xem là chìa

khóa giải quyết vấn đề về giao thông trong bối cảnh hạ tầng giao thông chưa theo kịp với tốc độ đô thị hóa và tốc độ gia tăng các phương tiện giao thông cá nhân... làm tiền đề cho việc xây dựng hệ thống giao thông phát triển có tính bền vững trong tương lai.

GIẢI PHÁP NÀO CHO ĐÔ THỊ THÔNG MINH?

Đô thị thông minh là một bài toán phức tạp, cần phải hiểu đúng và có những giải pháp phù hợp với từng đô thị. Thế giới đang hướng đến phát triển đô thị thông minh và để giải quyết những vấn đề đô thị đang đặt ra, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Hiện nay, tại Việt Nam đã có hơn 20 tỉnh, thành phố đang triển khai hoặc khởi động các đề án về đô thị thông minh. Tuy nhiên, việc thiếu quy chuẩn chung, mỗi nơi thực hiện theo một hình thức khác nhau đang là rào cản để tiến tới phát triển thành phố thông minh bền vững. Chính vì thực tế đó, giải pháp cho phát triển đô thị thông minh cần được hiểu một cách đúng đắn và cận kề để đưa ra những thiết chế phù hợp tránh tình trạng làm theo phong trào và tránh gây lãng phí. Phát triển đô thị thông minh cần phải cấu thành từ 6 yếu tố cơ bản.

Trong các yếu tố đó, con người là yếu tố đầu tiên và chi phối mọi yếu tố khác. Bởi trí tuệ, ý thức của con người có thông minh thì mới có thể kiến tạo được thành phố thông minh. Một đô thị thông minh rất cần những cư dân đô thị thông minh phải có trình độ học vấn và trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, trình độ hiểu biết nhất định nào đó. Vì rõ ràng muốn đô thị thông minh, chúng ta bắt buộc phải sử dụng công nghệ. Nếu con người không có hiểu biết về công nghệ, không có trình độ nhất định, không khai thác được công nghệ đó thì đô thị sẽ không thông minh. Thêm vào đó, tính đa dạng về văn hóa và sắc tộc, tính sáng tạo, tính năng động của công dân, sự tham gia tích cực vào hoạt động cộng đồng cũng góp phần tạo nên một đô thị thông minh và văn minh.

Yếu tố thứ hai không kém phần quan trọng đó là nền kinh tế thông minh. Trong đó, các nhà lãnh đạo, người dân và doanh nghiệp sẽ là nền tảng để tạo ra sự tăng trưởng về kinh tế, tài chính của đô thị bằng

những suy nghĩ thông minh. Sẽ phải có những ngành kinh tế mới mà đô thị truyền thống không thể có. Đó là những ngành tận dụng công nghệ, tận dụng sự kết nối để thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế đô thị. Bên cạnh đó, kinh tế thông minh còn là các giải pháp hợp tác, đầu tư, sản xuất, tinh thần khởi nghiệp, tính sáng tạo, tính linh hoạt thích ứng với biến đổi thị trường, khả năng hội nhập quốc tế, khả năng chuyển đổi số, du lịch, trang trại thông minh...

Yếu tố thứ ba đó là sự quản trị thông minh hay nói cách khác là chính quyền thông minh. Để quản lý con người và nền kinh tế thông minh thì phải có những cách thức, công cụ, quan điểm quản trị theo một cách khác thay vì phương pháp thủ công. Quản trị thông minh là cách quản trị mà chúng ta cần phải đáp ứng được nhu cầu trong thông minh hóa thành phố. Chính quyền điện tử với quyết sách thông minh, giám sát, dự báo ngập lụt và điều phối phương tiện giao thông tránh ùn tắc bằng hệ thống ITS; các kết nối thuận lợi với quốc tế bằng năng lực của hạ tầng công nghệ thông tin với băng thông lớn, thu thập số liệu tự động; theo dõi tức thời bằng công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến RFID (Radio Frequency Identification)... đã giải quyết tốt các vấn đề nhằm tăng cường hiệu quả, cải thiện tương tác trong quản lý đô thị, cung cấp dịch vụ cho người dân cũng như tối ưu chức năng của các đơn vị hành chính.

Yếu tố thứ tư là môi trường thông minh. Thành phố thông minh phải là một thành phố kiểm soát được các vấn đề về môi trường. Cần bảo vệ môi trường, xử lý rác theo công nghệ thông minh, biến rác thành năng lượng cũng như tìm kiếm các dạng năng lượng sạch và thông minh khác. Môi trường thông minh phải ứng phó hiệu quả với ngập lụt, giao thông thuận lợi, phòng cháy chữa cháy từng bước bằng công nghệ hiện đại, hiệu quả và thân thiện môi trường, quản lý tài nguyên bền vững.

Sự dịch chuyển thông minh cũng là yếu tố cần được quan tâm trên con đường tiến tới đô thị thông minh. Sự dịch chuyển thông minh chính là vấn đề giao thông, hướng đến xây dựng và phát triển một hệ thống giao thông, vận tải đồng bộ, kết nối bảo đảm an toàn, xanh và sạch, tiết kiệm chi phí và giảm khí thải. Hiện tại, chúng ta đang mất quá nhiều thời gian để di chuyển ngoài đường do chưa giải quyết được các vấn đề giao thông.

Yếu tố thứ sáu là cuộc sống thông minh với hệ thống giao thông an toàn, hữu hiệu, tiện lợi, truy xuất nguồn gốc thực phẩm nhanh chóng, tiện ích văn hóa - giáo dục - y tế, an toàn cá nhân, chất lượng nhà ở, sinh hoạt, tính kết nối chặt các bên liên quan với cộng đồng, môi trường làm việc an toàn, an ninh mạng được bảo đảm...

Với xu thế phát triển của khoa học công nghệ, những dịch chuyển để hướng tới phát triển thành phố thông minh là một giải pháp tất yếu cho những vấn đề



Cần có giải pháp phù hợp cho từng đô thị thông minh, trong đó lấy con người là yếu tố trung tâm

đô thị. Để hình thành và phát triển có hiệu quả để án đô thị thông minh, cũng như cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cần phải thông qua các công nghệ ICT (Information and Communication Technologies) hiện đại như mạng lưới IoT và điện toán đám mây, đi kèm big data... đó là các công cụ giúp cho chính quyền đô thị cung cấp tốt dịch vụ và tiện ích cho các cộng đồng dân cư. Trong xây dựng đô thị thông minh thành công, rất cần sự minh bạch và chia sẻ thông tin, tham gia của các cấp chính quyền, các nhà khoa học, doanh nghiệp, kể cả các định chế tài chính trong và ngoài nước cùng các tổ chức xã hội. Đặc biệt là người dân có ý thức góp sức cùng chính quyền xây dựng cộng đồng ngày một văn minh, hiện đại hơn trong công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 trên thế giới đã hình thành rất nhiều đô thị thông minh. Các đô thị ở Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng trên nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Để phát triển đô thị thông minh có rất nhiều việc phải làm, trước tiên cần tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, cần có một chiến lược phát triển đô thị thông minh ở cấp độ quốc gia. Chiến lược này phải được tính toán nhằm đưa ra các tiêu chí phát triển tiệm cận được với xu hướng chung của thế giới trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Thứ hai, sớm xây dựng, ban hành khung pháp lý quy hoạch và quản lý đô thị thông minh (Bộ tiêu chí) nhằm đáp ứng các yêu cầu về quản lý nhà nước về phát triển đô thị thông minh; đồng thời tạo ra một công cụ hữu hiệu cho việc áp dụng và triển khai phát triển đô thị thông minh tại từng thành phố. Chính quyền thành phố cần sử dụng linh hoạt các tiêu chí nhằm xây dựng cho mình các chuẩn mực phù hợp về đô thị thông minh đối với từng lĩnh vực.

Thứ ba, các đô thị khi xây dựng thành phố thông minh cần thực hiện quá trình nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc trong xây dựng chiến lược phát triển đô thị thông minh và lồng ghép trong quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam, đồng thời đánh giá thực trạng về quy hoạch, đặc điểm vị trí địa lý, dân số, văn hóa, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa... để từ đó tìm ra những thế mạnh, điểm yếu của địa phương trong phát triển đô thị.

Thứ tư, xây dựng lộ trình đảm bảo việc quy hoạch và phát triển đô thị thông minh tại các đô thị với việc đảm bảo cung cấp hạ tầng, điều kiện sống cho người



Quy hoạch và quản lý đô thị thông minh cho các đô thị theo định hướng phát triển bền vững, phù hợp với quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam

dân đô thị; trong đó, cần lấy con người làm trung tâm, để có thể định hình và hoàn thiện các nội dung về phát triển kinh tế, quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng giao thông, vấn đề về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

Thứ năm, việc ứng dụng các thành tựu công nghệ hiện đại từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 cần phải được cân nhắc và lựa chọn có trọng điểm để tạo ra sự lan tỏa trong việc phát triển. Do Cách mạng công nghiệp 4.0 vẫn đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh chóng với sự ra đời và xoay vòng liên tục của các công nghệ mới, nên việc ứng dụng vào phát triển đô thị cần phải thu hút các nguồn lực từ xã hội không chỉ trong nước mà còn từ bên ngoài để tối ưu hóa được chi phí.

Thứ sáu, cần nâng cao năng lực quản lý vận hành và phát triển đô thị thông minh của các bên có liên quan như cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà cung cấp dịch vụ cũng như cộng đồng người dân và các tổ chức chính trị xã hội.

Để Nghị quyết số 52-NQ/TW thực sự đi vào cuộc sống, việc hình thành và phát triển có hiệu quả để án đô thị thông minh ứng dụng các thành tựu công nghệ hiện đại từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, thành tựu đó là các công cụ giúp cho chính quyền đô thị cung cấp tốt dịch vụ, tiện ích cho các cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn chính là những giải pháp thực thi phải hướng đến sự đồng thuận cao nhất của các bên liên quan trong cộng đồng, trong đó luôn lấy con người là yếu tố trung tâm. Việt Nam cần kết hợp hài hòa những xu hướng phát triển của nền khoa học công nghệ trên thế giới và các đặc thù của mình, phù hợp với nguồn lực tài chính, nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, như vậy mới có thể xây dựng được một đô thị thông minh đúng nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
2. Đô thị Việt Nam đang đối mặt nhiều thách thức, <http://tapchitaichinh.vn/thi-truong-tai-chinh/do-thi-viet-nam-dang-doi-mat-nhieu-thach-thuc-315095.html>
3. Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá đô thị thông minh, <http://egov.chinhphu.vn/xay-dung-ban-hanh-tieu-chi-danh-gia-do-thi-thong-minh-a-NewsDetails-37527-14-186.html>

PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI CHIẾN LƯỢC LỚN CÓ Ý NGHĨA NHÂN VĂN

Kim Liên



Có thể khẳng định Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn 2030 là một chiến lược rất nhân văn, mang lại nhiều cơ hội có nhà ở đúng nghĩa cho người thu nhập thấp. Chính phủ mới giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối thêm 1.000 tỷ đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội và bổ sung 2.000 tỷ đồng để cấp bù lãi suất cho 4 ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định để thực hiện hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội. Như vậy, sau khi gói 30.000 tỉ đồng kết thúc thì đến nay Chính phủ có thêm gói tín dụng mới để “cứu” chương trình nhà ở xã hội (NOXH) bị đình trệ mấy năm nay.

mét vuông sàn NOXH cho người thu nhập thấp tại đô thị. Tuy nhiên, theo thống kê của Bộ Xây dựng, công tác phát triển nhà ở xã hội hiện chưa đạt được yêu cầu đề ra trong Chiến lược. Cụ thể, đến hết năm 2019, chỉ có 207 dự án NOXH hoàn thành, quy mô xây dựng khoảng hơn 85.810 căn, tương đương hơn 4,3 triệu mét vuông sàn NOXH (đạt khoảng 34,3%).

Điểm nổi bật trong Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn 2030 là diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 24m² sàn/người, trong đó tại đô thị đạt 26m²/sàn và tại nông thôn đạt 19m² sàn/người;

phần đầu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu 6m² sàn/người. Nhưng hiện nay, thị trường nhà ở tại Việt Nam cho thấy vẫn chưa bắt kịp với mức thu nhập của người lao động. Theo số liệu tổng hợp của Bộ Xây dựng, nhu cầu NOXH trên toàn quốc giai đoạn 2011 - 2020 là khoảng 440 nghìn căn hộ, nhưng đến nay mới chỉ thực hiện được trên 30% kế hoạch. Đáng lưu ý là chương trình phát triển NOXH đã được nâng lên thành Luật, trong đó quy định rõ các cơ chế hỗ trợ, cũng như nguồn lực hỗ trợ hàng năm hoặc theo giai đoạn. Tuy nhiên, việc tổ chức triển khai lại không suôn sẻ như mong muốn.

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Để đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người thu nhập thấp tại đô thị, công nhân các khu công nghiệp, Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn 2030, những thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các địa phương nhiều khu công nghiệp có nhu cầu về NOXH rất lớn, khoảng 1 triệu đơn vị nhà ở cho thu nhập thấp. Mục tiêu đến năm 2020 sẽ xây dựng được 12,5 triệu



Bộ Xây dựng đề xuất đổi mới phương thức, cơ chế chính sách để giải quyết căn bản nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp

Thống kê của Hiệp hội BĐS Việt Nam cho biết: Nhu cầu nhà ở bình dân ngày càng bức thiết khi cơ cấu dân số đang bước vào thời kỳ dân số vàng, với 70% dân số trong độ tuổi lao động, sự phát triển của các gia đình trẻ, nhu cầu tách hộ của các gia đình lớn... Đến năm 2020, 40% dân số Việt Nam trên tổng số khoảng 100 triệu dân sẽ sống ở khu vực đô thị. Như vậy, theo tính toán của Bộ Xây dựng, thời điểm hiện nay, tại các khu vực đô thị cả nước có hơn 1,7 triệu người khó khăn về nhà ở và 1,7 triệu công nhân có nhu cầu ổn định chỗ ở.

Theo kết quả kiểm toán chương trình NOXH vừa được Kiểm toán nhà nước công bố, tại Hà Nội, trong giai đoạn 2016 – 2020, dự kiến có 15 dự án NOXH được xây dựng, hoàn thành nhưng đến nay chưa có dự án nào hoàn thành. Trong đó, 2/15 dự án chưa triển khai xây dựng; 7/15 dự án chưa có chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận dự án đầu tư; 1/15 dự án không có thông tin tình hình triển khai; 2/15 dự án dừng triển khai không thực hiện được NOXH hoặc thu hồi; 3/15 dự án đã được chấp thuận chuyển mục tiêu đầu tư sang nhà ở thương mại.

Tại TP. Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016 - 2019, chỉ mới xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng khoảng 14 dự án NOXH, với tổng diện tích đất 15,8ha, quy mô 10.255 căn hộ, trong khi nhu cầu thực tế cần khoảng 134.000 căn.

Tính đến tháng 1/2020 trên địa bàn cả nước đã hoàn thành 207 dự án NOXH, quy mô xây dựng khoảng hơn 85.810 căn, với tổng diện tích hơn 4.290.500m²; đang tiếp tục triển khai 220 dự án với quy mô xây dựng khoảng 179.640 căn.

Những con số trên cho thấy, nguồn cung NOXH đang rất thiếu hụt so với nhu cầu thực của phân khúc này (hiện đang có khoảng 3,4 triệu công nhân và người lao động khó khăn cần ổn định chỗ ở trong năm nay). Dẫu vậy, nhiều dự án đã hình



Nguồn cung nhà ở xã hội đang rất thiếu hụt so với nhu cầu thực của phân khúc này

thành, đáp ứng nguồn cung cho thị trường vẫn xảy ra tình trạng tồn kho, kém thanh khoản.

Sau 19 lần mở bán (trong suốt 5 năm) nhưng vẫn ế ẩm, mới đây, chủ đầu tư một dự án án NOXH tại Quốc Oai đã đăng ký mở bán lần thứ 20. Theo thống kê, số căn hộ đã bán từ (đợt 1 đến đợt 19) là 322 căn. Số căn hộ còn lại: 24 căn. Số căn NOXH còn lại để cho thuê 86 căn. Giá bán tạm tính căn hộ NOXH tại dự án này là 9.960.000 đồng/m²; giá cho thuê là 48.000 đồng/m²/tháng.

Dự án NOXH AZ Thăng Long (Hoài Đức, Hà Nội) do Công ty TNHH Bán kẹo Thăng Long làm chủ đầu tư mới đây cũng thông báo mở bán lần thứ 12. Dự án có tổng số 1.496 căn. Sau 11 lần bán, chủ đầu tư mới bán được 475 căn hộ xã hội, còn 231 căn hộ dành cho thuê mua vẫn còn nguyên. Lần bán thứ 12 này, chủ đầu tư công bố đẩy ra thị trường 354 căn với giá 14.017.594 đồng/m². Dự án được bán suốt từ năm 2015 đến nay vẫn chưa hết hàng.

Tương tự, Dự án NOXH Phú Lãm (Hà Đông) cũng qua 5 năm bán song vẫn còn tồn đọng rất nhiều căn chưa bán được.

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN, TỒN TẠI

Thời gian qua đã có một loạt các hành lang pháp lý từ Luật Nhà ở, dẫn chiếu tới các Nghị định, Thông tư, các

Chương trình mục tiêu. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng có các gói tín dụng để hỗ trợ cho việc đầu tư xây dựng NOXH, cũng như hỗ trợ cho người mua, thuê mua NOXH với lãi suất thấp.

Tuy nhiên, từ khi gói hỗ trợ tín dụng 30 nghìn tỷ đồng hỗ trợ mua nhà dành cho người thu nhập thấp kết thúc thời hạn giải ngân vào năm 2016, các doanh nghiệp bất động sản không còn mặn mà đầu tư NOXH, còn người thu nhập thấp không được tiếp cận với nguồn vốn vay lãi suất thấp. Trong khi đó, với dân số đô thị chiếm hơn 30 triệu người và tăng trưởng dân số đô thị dự kiến hàng năm khoảng 900 nghìn người, vấn đề nhà ở cho người dân tại các đô thị đang ngày càng cấp bách.

Nguyên nhân khó khăn nhất trong quá trình triển khai các dự án NOXH này được chỉ ra đó là: Các nguồn vốn hỗ trợ cho người thu nhập thấp từ ngân sách còn hạn chế. Mặc dù, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về NOXH đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện về cơ bản đã hình thành khung pháp lý tương đối đầy đủ và đồng bộ để điều chỉnh việc phát triển NOXH trong Luật Nhà ở được Quốc hội ban hành năm 2014, nhưng việc phát triển NOXH, nhất là NOXH cho công nhân các khu công nghiệp, nhà ở cho người thu nhập thấp thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.



Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực dành cho nhà ở xã hội

Nhìn nhận về nguyên nhân khiến công tác phát triển NOXH bị “mắc cạn”, ở góc độ quản lý nhà nước, ông Nguyễn Mạnh Khởi, Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản (Bộ Xây dựng) cho rằng, bên cạnh khó khăn về nguồn vốn, thì “điểm nghẽn” thứ 2 là công tác triển khai thực hiện dự án nhà ở tại địa phương đã gặp không ít bất cập. Điển hình như việc chọn địa điểm xây dựng NOXH, có địa phương lựa chọn địa điểm không phù hợp, dẫn đến không phát triển được dự án hoặc có phát triển dự án, song không thu hút được nhiều người về ở.

Mặt khác, nhiều doanh nghiệp không “mặn mà” đầu tư xây dựng NOXH, vì NOXH được ưu đãi thuế đất, nhưng bị khống chế về giá, lợi nhuận, trong khi giá vật liệu xây dựng, nhân công... không giảm. Cùng với đó, lãi suất vay vốn cao, lợi nhuận thấp do bị khống chế giá bán; thời gian thu hồi vốn chậm do quy định để lại 20% quỹ nhà dành cho thuê trong 5 năm... Thực tế, doanh nghiệp nào cũng muốn dự án quyết toán nhanh, đặc biệt với các công ty cổ phần. Tuy nhiên, quy định như vậy khiến doanh nghiệp bị đọng vốn nhiều. Về vốn trung hạn, các ngân hàng cũng không muốn hỗ trợ lãi suất các dự án như vậy...

Theo các chuyên gia, nguyên nhân của những khu NOXH không bán được là do hạ tầng quanh dự án không đồng bộ, thiếu tính kết nối. Nhà ở vẫn chạy trước hạ tầng một bước. Giá đất và tiền sử dụng đất tại các khu vực gần trung tâm thành phố rất cao nên các chủ đầu tư không có khả năng phát triển nhà ở giá rẻ, bình dân tại các khu vực này mà phải đi ra xa trung tâm thành phố. Những khu đất ‘vàng’, thuận lợi cho việc đi lại, dễ dàng kết nối với hạ tầng cơ sở nghiêm nhiên trở thành địa điểm để xây dựng những dự án nhà ở thương mại. Đó là lý do khiến nhiều khu nhà ở được xây lên nhưng chẳng ai đến ở.

CẦN NHỮNG GIẢI PHÁP QUYẾT LIỆT

Phát triển NOXH là chủ trương, chính sách đúng đắn, với những đột phá từ quan điểm, tư tưởng, cách thức tiếp cận cho tới giải pháp thực thi, cùng với sự quyết tâm và vào cuộc tích cực của Chính phủ, các Bộ, Ngành, địa phương đã đem lại nhiều kết quả quan trọng trong thời gian qua. Tuy nhiên, để giải được bài toán NOXH về lâu dài cần tháo gỡ khó khăn của người mua và chủ đầu tư hiện nay. Về phía người mua, nên thống nhất những quy định về lãi suất cho vay cũng như thời hạn được vay mua NOXH.

Đối với các doanh nghiệp, cần xem xét lại các quy định pháp luật khi thực hiện đầu tư dự án NOXH. Rút gọn các thủ tục hành chính và thời gian phê duyệt dự án. Bên cạnh đó là các chương trình tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn ưu đãi để đầu tư xây dựng NOXH.

Chính phủ cũng cần nghiên cứu áp dụng hệ thống tài chính nhà ở một cách bền vững, trong đó huy động cả nguồn tài chính xã hội hóa và vốn nước ngoài. Để cải thiện hiệu quả các chính sách NOXH đòi hỏi phải có số liệu thống kê chính xác nhu cầu thực tế, rà soát các quy định để xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước. Đẩy mạnh phân khúc NOXH cho thuê cũng là một trong những định hướng quan trọng, góp phần giải quyết khó khăn về nhà ở cho người thu nhập thấp...

Không chỉ bổ sung thêm nguồn vốn, Chính phủ cũng giao Bộ Xây dựng nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung bất cập tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP để trình Chính phủ xem xét, ban hành trong quý 4/2020 theo trình tự thủ tục rút gọn. Đồng thời đề xuất đổi mới phương thức, cơ chế chính sách để giải quyết căn bản nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp. Phối hợp với các địa phương, đặc biệt



Đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước cho nhà ở xã hội

là TP. Hà Nội và TP. HCM tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển NOXH, đáp ứng nhu cầu của người thu nhập thấp, nhất là công nhân.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng đề ra nhiều giải pháp, trong đó có việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản, gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là NOXH; khắc phục việc lệch pha cung - cầu, phát triển đa dạng hóa các loại hình nhà ở, trong đó đẩy mạnh phát triển phân khúc NOXH đô thị, nhà ở cho công nhân lao động, nhà ở cho thuê. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực; kiểm soát chặt chẽ việc quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành cho NOXH.

Với Hà Nội, nhằm triển khai có hiệu quả chương trình phát triển NOXH, từ năm 2019, thành phố đã có quỹ hỗ trợ, đầu tư phát triển NOXH từ nguồn tiền thu được tương đương giá trị 20%, 25% quỹ đất ở tại các dự án nhà ở thương mại thực hiện theo trách nhiệm phát triển NOXH bằng phương thức nộp tiền. Đến nay, đã có hơn 2.000 tỷ đồng nộp ngân sách để phát triển NOXH... UBND thành phố cũng thực hiện một số giải pháp: Rà soát toàn bộ quỹ đất 20% trong các dự án đầu tư xây dựng

nhà ở thương mại; kiên quyết thu hồi, hoặc dừng các dự án chậm triển khai để để xuất quỹ đất phục vụ phát triển NOXH triển khai các khu đô thị NOXH tại 4 huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Thường Tín.

Trong giai đoạn tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án "Xây dựng chính sách tổng thể NOXH tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030" tại Quyết định 848/QĐ-TTg ngày 12-7-2018, do Chính phủ Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại. Dự án được thực hiện trong 3 năm với mục tiêu nâng cao quyền có nhà ở của các hộ có thu nhập thấp tại khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp thông qua việc nghiên cứu, đề xuất cải thiện chính sách NOXH tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030 nhằm góp phần sửa đổi Luật Nhà ở hiện nay. Với những giải pháp này, hy vọng, thời gian tới mục tiêu xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp ở khu vực đô thị sẽ được cải thiện theo hướng hiệu quả hơn.

Theo Hiệp hội Bất động sản VN (VNREA), bước sang nửa cuối 2019 và đầu năm 2020, thị trường bất động sản gặp những khó khăn nhất định và có dấu hiệu giảm sút mạnh, ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề khác, khiến nhiều doanh nghiệp lớn, có thương hiệu trên thị trường đứng trước nguy cơ phá sản, nhất là khi mất thanh khoản tại nhiều dự án kéo dài, việc triển khai dự án mới gặp nhiều

khó khăn. Để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, VNREA đã kiến nghị cấp nguồn vốn cho NOXH. Theo quy định của Luật Nhà ở, hàng năm, nhà nước cấp 50% vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội, 50% huy động thêm từ các kênh khác nhau để hỗ trợ cho người mua, thuê mua NOXH. Bên cạnh đó, 4 ngân hàng thương mại như Vietcombank, BIDV, Agribank, Vietinbank do nhà nước chi phối được cấp bù lãi suất vay 3 - 4%, còn lại tự huy động 100% để cho vay. Như vậy, nếu cấp 2.000 tỷ đồng với tỷ lệ bù lãi suất vay 3 - 4% thì mỗi năm có thể huy động thêm được 60.000 tỷ đồng cho người vay mua, tạo tính thanh khoản lớn cho NOXH.

Tổng kết của Bộ Xây dựng vừa qua cho thấy, khi kết thúc gói 30.000 tỷ đồng, từ 1 đồng, ngân hàng thương mại huy động thêm được 33 đồng. Còn Ngân hàng Chính sách xã hội, từ 1 đồng có thể huy động thêm 1 đồng nữa. Như vậy với 2.000 tỷ đồng mà Nhà nước giao cho các ngân hàng thương mại, khi đó các ngân hàng sẽ huy động được nguồn lực khoảng 66.000 tỷ để cho doanh nghiệp vay xây NOXH và người dân vay để mua, thuê NOXH.

Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia chính thức chạm mốc 2020. Đây sẽ là dấu mốc quan trọng để những nhà hoạch định chính sách nhìn lại những việc đã và đang làm, tiếp tục thực hiện "sứ mệnh" về một chiến lược lớn, nhân văn của đất nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghị quyết 41/NQ-CP ngày 09/4/2020 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2020
2. Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm 2019, triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 của Bộ Xây dựng
3. Phát triển nhà ở xã hội: Cơ chế đã có, cần giải pháp căn cơ, baoxaydung.com.vn



PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN SAU NĂM

2020



Nguyễn Trung Nam

Qua tồn tại, hạn chế trong 10 năm xây dựng nông thôn mới cho thấy công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới cần được nhìn nhận một cách đúng mức để thực sự đóng vai trò tiên đề cho công cuộc xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo. Thực tế triển khai cho thấy chất lượng các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới chưa cao, chủ yếu đáp ứng yêu cầu xây dựng trước mắt, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài, nhiều nơi còn mang tính hình thức. Một thực tế nữa cho thấy nhiều mặt để đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn, gắn với đô thị hóa, CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn không thể chỉ giải quyết ở địa bàn xã, mà cần giải quyết một cách tổng thể, đồng bộ cả trên địa bàn cấp huyện và cấp xã. Đây là vấn đề cần xem xét trong định hướng quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn cho giai đoạn sau năm 2020.



1. BỐI CẢNH

Trong xem xét định hướng quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn cho giai đoạn sau năm 2020, một khía cạnh cần giải quyết là xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa. Về mặt tổng quan, tiến trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra dưới 3 góc độ - đô thị hóa diễn ra tại các thành phố lớn, tại các đô thị lớn, tại các đô thị trung bình và nhỏ, tại các điểm dân cư nông thôn (với khái niệm người dân có điều kiện, lối sống, chất lượng cuộc sống của người dân đô thị). Sự phát triển đô thị hóa diễn ra hợp lý đối với 3 góc độ trên sẽ tạo ra môi trường phát triển bền vững giữa đô thị và nông thôn, giảm được sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Tỷ lệ dân số đô thị của các đô thị nhỏ trên tổng dân số đô thị của cả nước chỉ đạt tỷ lệ thấp khoảng 13,73%. Qua đây cho thấy vấn đề trong xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, ngoài việc kết nối với các đô thị lớn, trung bình, việc phát triển các đô thị nhỏ, các điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện là điều cần thiết cho phát triển trước mắt và lâu dài ở khu vực nông thôn. Nó phải được xác định rõ ở các quy hoạch huyện, xã trong xây dựng nông thôn mới.

Trong định hướng quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn cho giai đoạn sau năm 2020 phải thể hiện được và phù hợp với các định hướng lớn có liên quan của Đảng và Chính phủ về xây dựng nông thôn mới. Các định hướng lớn chủ yếu có liên quan là:

- Nghị Quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TRONG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH BỐ TRÍ, PHÁT TRIỂN ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020

- Được triển khai trên cả 2 cấp độ. Đối với cấp huyện là Quy hoạch

xây dựng vùng huyện. Đối với cấp xã là Quy hoạch chung xây dựng xã với yêu cầu chủ yếu là rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt theo đúng yêu cầu và phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với sự chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế sang công nghiệp, dịch vụ và gắn với phát triển đô thị, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.



Phát triển cơ sở hạ tầng bền vững, phù hợp với từng giai đoạn đáp ứng yêu cầu hiệu quả, tiết kiệm trong đầu tư

- Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Phù hợp với đặc điểm sinh thái, hình thái sinh hoạt, sản xuất của dân cư các vùng, miền. Đảm bảo định cư bền vững và phòng chống hiệu quả, giảm nhẹ tác động thiên tai.

- Phát triển cơ sở hạ tầng bền vững, phù hợp với từng giai đoạn phát triển đáp ứng yêu cầu hiệu quả, tiết kiệm trong đầu tư.

- Kế thừa kết quả xây dựng nông thôn mới trong 10 năm giai đoạn 2010-2020. Khắc phục tồn tại, hạn chế trong xây dựng nông thôn mới, kết hợp với các yêu cầu mới trong phát triển (biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, KHCN và cách mạng công nghiệp 4.0,...) nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu trong giai đoạn tới.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG TRONG QUY HOẠCH BỐ TRÍ, PHÁT TRIỂN ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2020 GẮN VỚI QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

Trên cơ sở xem xét tổng quan các mặt như quá trình phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam và 10 năm xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, quá trình đô thị hóa cho đến nay và các định hướng lớn của Đảng và Chính phủ liên quan chủ yếu đến quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn giai đoạn sau năm 2020. Một số đề xuất cho việc định hướng quy hoạch bố trí, phát triển điểm dân cư nông thôn giai đoạn sau năm 2020 gắn với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quá trình đô thị hóa như sau:

3.1 Đối với quy hoạch xây dựng vùng huyện

Ngoài các nội dung định hướng chung cho quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định, phải thể hiện rõ các nội dung định hướng sau:

- Phải xác định được các tiểu vùng sản xuất trong huyện trên cơ sở các vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và sản xuất hàng hóa đặc thù khác.

- Hình thành và xác định các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm cụm xã, các cụm công nghiệp và các thị tứ (hiện có hoặc dự kiến hình thành trên địa bàn huyện) gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho tiểu vùng trong huyện nhằm phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn trong tiểu vùng. Các điểm này có thể coi là các trung tâm nông thôn trên địa bàn huyện. Ngoài các điểm là thị trấn hiện có, các điểm hiện chưa là thị trấn sẽ phát triển thành đô thị nhỏ trong tương lai. Dân cư tối thiểu tại các điểm này trước mắt nên có 1000 người trở lên. Trong quá trình phát triển đây là nơi tập trung dân cư phát triển mới của toàn huyện về định cư khi có nhu cầu phù hợp. Trường trung học phổ thông nên được bố trí tại các điểm này.

- Xác định các điểm dân cư trên địa bàn huyện có tiềm năng phát triển để tập trung đầu tư, xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí dân cư mới phát triển hàng năm trên địa bàn xã. Trong phạm vi 1 xã số điểm dân cư có tiềm năng phát triển nên từ 2-5 điểm. Quy mô điểm dân cư có tiềm năng phát triển tối thiểu từ 100 hộ trở lên. Điểm dân cư có tiềm năng phát triển được phân bố gắn kết thuận tiện với địa bàn sản xuất. Điểm dân cư trung tâm xã, làng nghề truyền thống, làng nghề mới, có điều kiện phát triển kinh tế phi nông nghiệp khác thuộc các điểm dân cư có tiềm năng phát triển trên địa bàn huyện. Đối với khu vực miền núi, khu vực mật độ dân cư thấp dưới 150 người/km², các cụm thôn bản trong khu vực có bán kính < 1km được coi là điểm dân cư có tiềm năng phát triển.



Gắn kết các thị trấn, thị tứ, điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện hoặc liên huyện với các điểm sản xuất, dịch vụ từ nông nghiệp

- Xác định hạ tầng khung (giao thông, cấp nước tập trung, cấp điện, thoát nước và VSMT, thông tin liên lạc,...) đảm bảo liên kết thuận tiện giữa các điểm trung tâm, các điểm dân cư có tiềm năng phát triển và với địa bàn sản xuất, đảm bảo điều kiện phục vụ tốt người dân như tại các đô thị nhỏ.

3.2 Đối với quy hoạch chung xây dựng xã

- Rà soát cập nhật bổ sung cho phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt. Rà soát bổ sung, điều chỉnh các nội dung quy hoạch theo đúng yêu cầu phát triển xã, khắc phục những tồn tại hạn chế trong xây dựng nông thôn mới hiện nay, đặc biệt là các giải pháp nâng cao cảnh quan và môi trường.

- Phát triển các điểm dân cư trung tâm xã trở thành một trong các điểm dân cư có tiềm năng nhất của xã. Tối thiểu 50% số công trình công cộng cơ bản cấp xã được bố trí tại khu trung tâm xã, nhằm tạo bộ mặt cho xã và phục vụ tốt người dân trong xã.

- Dành quỹ đất cho dân cư phát triển mới hàng năm tại các điểm dân cư có tiềm năng phát triển.

- Phát triển xây dựng các điểm dân cư có tiềm năng phát triển có điều kiện sống như tại các đô thị nhỏ và cảnh quan, môi trường nông thôn bằng các giải pháp: Giữ mật độ xây dựng tối đa trong lô đất ở không quá 60%, tăng mật độ cây xanh, cải thiện điều kiện giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất của người dân trong thời gian 20 năm tới. Khoảng cách tối đa hộ dân tiếp cận đường xe ô tô con đi được là 150m, tiếp cận bãi đỗ xe ô tô (nếu cần bố trí) là 500m. Cung cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, cấp nước tập trung, thông tin liên lạc theo tiêu chuẩn cho đô thị nhỏ. Giải pháp tốt cho thu gom, xử lý tốt nước thải, thu gom rác thải theo điều kiện từng khu vực. Việc phát triển xây dựng các điểm dân cư có tiềm năng phát triển có thể coi là việc phát triển xây dựng các điểm dân cư kiểu mẫu trong khu vực nông thôn.

- Phát triển xây dựng hạ tầng đầu mối ngoài khu dân cư (bao gồm cả hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp), đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn và sinh hoạt người dân.

3.3. Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn, quản lý cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

- Định hướng không gian quy hoạch cảnh quan nông thôn cần chú trọng đến bảo tồn, chỉnh trang các không gian làng, xã vốn có trước đây. Căn cứ điều kiện địa lý của từng vùng, mỗi địa phương để lập quy hoạch, xây dựng cảnh quan bảo đảm phù hợp, nhưng vẫn tạo nên sự hài hòa và thân thiện với môi trường.

- Xác định các khu vực cảnh quan trọng tâm để tạo điểm nhấn và nét độc đáo riêng có đối với mỗi xã nông thôn mới nâng cao cũng như nông thôn mới kiểu mẫu.

- Gắn kết các thị trấn, thị tứ, điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện hoặc liên huyện với các điểm sản xuất, dịch vụ từ nông nghiệp. Tạo điều kiện cho quá trình đô thị hoá tại chỗ, phát triển dân cư phi nông nghiệp trên địa bàn cấp huyện, xã.

- Định hướng mạng lưới hạ tầng khung phục vụ sản xuất và liên kết giữa địa bàn sản xuất với khu dân cư, giữa các khu dân cư với nhau trên địa bàn cấp huyện.

- Có định hướng bảo vệ và gìn giữ những nét truyền thống của thôn bản xưa, tạo dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng thôn xã. Theo Luật Kiến trúc mới được Quốc hội ban hành ngày 13/6/2019 tại Khoản 2 Điều 11 thì Kiến trúc nông thôn phải đáp ứng yêu cầu sau: Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến; Bảo đảm tiêu chuẩn về nhà ở, không gian sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các

dân tộc; Đối với khu vực thường xảy ra thiên tai, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

4. HOÀN THIỆN VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CÁC CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN SAU 2020

4.1. Về văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn

a) Các văn bản pháp luật

- Hoàn thiện phương pháp quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo hướng "quy hoạch tích hợp" và nâng cao năng lực thực hiện theo hướng dẫn của Luật Quy hoạch năm 2017. Làm rõ đầu ra của kết quả hợp nhất giữa các quy hoạch là mục tiêu quy hoạch chung và xem nó như là đầu vào các quy hoạch chuyên ngành. Quy hoạch xây dựng (trong đó có quy hoạch dân cư) chứa đựng yêu cầu của các quy hoạch chuyên ngành.

- Ưu tiên tập trung nguồn lực cho công tác quy hoạch. Hiện nay, quy hoạch xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; trên cơ sở quy hoạch xây dựng vùng tỉnh (trong thời gian tới là quy hoạch tỉnh), quy hoạch xây dựng vùng huyện, vùng liên huyện, quy hoạch chung xây dựng các thị xã, thành phố trên địa bàn, và Thông tư số 02/2017/TT-BXD cần phải tiến hành rà soát, phát hiện những tồn tại, bất cập (nếu có) để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, điều kiện thực tế của địa phương, từ đó tạo được liên kết trong các đồ án quy hoạch, tránh trùng lặp, thiếu tính đồng bộ trong các quy hoạch.

b) Các quy định về nội dung đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn

Các đồ án quy hoạch xã nông thôn mới được lập và phê duyệt trước đây cần thiết phải được điều chỉnh để:

+ Phù hợp với Đồ án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện, giai đoạn 2017-2020, ban hành kèm theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch nông thôn theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày

06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn, các đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đã và sẽ được lập trong thời gian tới.

+ Phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương đảm bảo thuận lợi trong công tác quản lý, thực hiện.

4.2. Về cơ chế chính sách

a) Nguồn vốn lập quy hoạch xây dựng nông thôn

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. Tại Điều 9 của Luật Quy hoạch 2017 có nêu "Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công", theo đó, bắt đầu từ năm 2019, vốn chi cho công tác quy hoạch sẽ được sử dụng từ vốn đầu tư công. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, vốn cho công tác quy hoạch (bao gồm cả vốn bố trí thực hiện lập đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn) theo Luật Quy hoạch 2017 vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, để có cơ sở cho các UBND địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 và sau năm 2020 trong đó có nội dung Quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch Đầu tư sớm có hướng dẫn cụ thể đối với nguồn vốn bố trí cho



Bộ Xây dựng tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan hỗ trợ địa phương tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới một cách có hiệu quả



Cần tích cực hơn nữa trong công tác tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

việc lập các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn; cụ thể là tiếp tục được bố trí từ kinh phí sự nghiệp (Thông tư số 43/2017/TT-BTC) hay được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công (theo Luật Quy hoạch 2017).

b) Cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương

Bộ Xây dựng cần tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan hỗ trợ các địa phương tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới một cách có hiệu quả. Phối hợp với Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát cơ chế, chính sách về cơ cấu tổ chức của UBND cấp huyện, UBND cấp xã nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cấp huyện, cấp xã đáp ứng được công tác quản lý xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch. Phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan đề xuất với Chính phủ về cơ chế hỗ trợ đối với cán bộ cấp xã làm công tác kiêm nhiệm. Hướng dẫn, hỗ trợ cho địa phương các nội dung quy hoạch chuyên ngành... Tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các địa phương, nhất là cấp xã nâng cao nghiệp vụ về công tác quản lý, đầu tư về xây dựng, góp phần hạn chế sai sót trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

5. ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NHÂN DÂN TRONG QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN

5.1. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, Bộ Xây dựng đang tiến hành xây dựng Bồi dưỡng kiến thức quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2022.

Mục đích, yêu cầu của Chương trình nhằm nâng cao năng lực và bồi dưỡng kiến thức, kinh nghiệm quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn cho cán bộ quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng nông thôn cấp huyện, xã thuộc các tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc. Đối tượng đào tạo là lãnh đạo, công chức, viên chức cấp huyện và xã có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Nội dung bồi dưỡng có 03 phần: Phần kiến thức chung gồm những vấn đề chung về xây dựng nông thôn mới; Phần kiến thức chuyên môn gồm Quy hoạch xây dựng nông thôn, Quản lý hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn, Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; Phần kiến thức bổ trợ gồm kỹ

năng đọc bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn, Giới thiệu về kỹ năng đọc bản vẽ kỹ thuật xây dựng và đo bóc tiên lượng phục vụ công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Kế hoạch triển khai gồm: Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức lớp thí điểm tại 3 miền: Bắc, Trung, Nam; Tổ chức 63 lớp đại diện tại 63 tỉnh, thành trên phạm vi cả nước; Tổ chức các lớp còn lại theo nhu cầu của địa phương (sử dụng nguồn ngân sách của địa phương).

5.2. Thông tin, tuyên truyền

Thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; những kết quả nổi bật thành tựu về xây dựng nông thôn mới, mô hình mới, cách làm hay đạt hiệu quả tích cực trong xây dựng nông thôn mới; phản ánh thực trạng khó khăn, bất cập, những biểu hiện tiêu cực, các vấn đề bức xúc trong xã hội về xây dựng nông thôn mới.

Nội dung chú trọng một số chuyên đề, gồm: Các đề tài quy hoạch và kiến trúc đô thị, nông thôn, quản lý xây dựng cơ bản, chỉnh trang giao thông, đời sống nông thôn mới... với sự tham gia của các nhà quản lý, giáo sư, tiến sĩ, kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên gia và mọi tầng lớp nhân dân.

Dành một chuyên mục trên Báo điện tử hoặc chia đều vào các chuyên mục (Thời sự, quy hoạch kiến trúc, kinh tế, xã hội, bạn đọc) và phần dung lượng trên báo in để đăng các bài viết có chất lượng, phản ánh sâu sắc những kết quả của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

(Theo Đánh giá 10 năm công tác quy hoạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới)